

Số: 1405/2022/QĐST- HNGĐ

Gò Vấp, ngày 06 tháng 09 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số:1186/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 08 năm 2022 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Phạm Thị S, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Số x đường A, Phường B, quận C, Thành phố H.

- Ông Nguyễn Văn Mười, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Số xx, tổ 4, ấp 4, xã D, huyện H, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa bà Phạm Thị S và ông Nguyễn Văn M là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp, được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 29 quyển số: 01/92 đăng ký ngày 16/04/1992 tại Ủy ban nhân dân Phường B, quận C, Thành phố H.

[2] Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ghi ngày 21 tháng 07 năm 2022 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 29 tháng 08 năm 2022, bà S và ông M yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên là: Nguyễn Phạm Như Y, sinh ngày 17/07/1995 đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Hai bên khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, bà S và ông M

thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về việc (chia hoặc) không chia tài sản chung, việc trông nom, nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ vợ chồng: Bà Phạm Thị S và ông Nguyễn Văn M thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 29, quyền số 01/92 đăng ký ngày 16/04/1992 tại Ủy ban nhân dân Phường B, quận C, Thành phố H cấp cho bà S và ông M hết hiệu lực kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên là Nguyễn Phạm Như Y, sinh ngày 17/07/1995 đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

2. Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng. Bà Phạm Thị S và ông Nguyễn Văn M mỗi người phải chịu 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng nhưng được căn trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà S và ông M đã đóng tạm ứng lệ phí theo biên lai thu số: AA/2021/0049013 ngày 02 tháng 08 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp; đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (được sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự (được sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (được sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Chi cục Thi hành dân sự quận Gò Vấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thanh Tuyên